

Số: 04/2022/QĐST-DS

Đ, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn AT, xã C, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: Chị Phạm Nữ Trường T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn TP, xã T2, huyện Đ, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Chị Phạm Nữ Trường T1 công nhận chị có nợ chị Phạm Thị Xuân T số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

2.2. Về thời hạn và phương thức trả nợ:

Chị Phạm Nữ Trường T1 có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Xuân T số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), trả dần hàng tháng cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 16/4/2022, trả số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

+ Lần 2: Vào ngày 16/5/2022, trả số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

+ Lần 3: Vào ngày 16/6/2022, trả số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Trường hợp, chị T1 vi phạm một trong các lần trả nợ thì chị T có quyền yêu cầu chị T1 trả toàn bộ số nợ còn lại.

Kể từ ngày người được T1 hành án có đơn yêu cầu T1 hành án, nếu người phải T1 hành án không chịu T1 hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được T1 hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không

được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.

2.3. Về án phí: Các bên hòa giải thành nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $7.000.000đ \times 5\% : 2 = 175.000đ$ (Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị Phạm Thị Xuân T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 175.000đ (Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 175.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0004032 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trịnh Thị Yến Ngọc